

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
VIỆN CÔNG NGHỆ HÓA SINH - MÔI TRƯỜNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT
CHĂM SÓC SỨC KHỎE GIA ĐÌNH

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Trần Tất Thắng

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bệnh viện Mắt Nghệ An

Điện thoại, email: 0913055375

Các hướng nghiên cứu chính: Bệnh ngoại khoa và sức khỏe gia đình, cộng đồng

- Tên học phần (tiếng Việt): Chăm sóc sức khỏe gia đình (tiếng Anh):
- Mã số học phần: NUR31012
- Thuộc CTĐT ngành: Điều dưỡng
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung <input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn
- Số tín chỉ: 03 + Số tiết lý thuyết: 15 + Số tiết thảo luận/bài tập: 0 + Số tiết thực hành: 30 + Số tiết tự học: 90
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: Sinh lý bệnh, điều dưỡng cơ sở 1,2 Mã số HP: NUR30010 + Học phần học trước: Mã số HP:
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành.
- Bộ môn phụ trách học phần: Điện thoại: 0383855452 Email: viencnhsmt@vinhuni.edu.vn

2. Mô tả học phần:

Học phần Chăm sóc sức khỏe gia đình là môn học thuộc khối kiến thức ngành của ngành Y nói chung và ngành Điều Dưỡng nói riêng, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tầm quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe gia đình, đồng thời giúp sinh viên nắm được các cách xử lý một số bệnh thường gặp trong gia đình và đưa ra được cách phòng tránh đối với các thành viên như: bệnh lý trực khuẩn, tả, quai bị, rubella, sốt rét, viêm gan..., một số bệnh mãn tính như: tăng huyết áp, đái tháo đường... Học phần này còn giúp sinh viên nhận biết và xử lý được một số tình huống cấp cứu như: đuối nước, bỏng,... Đồng thời sinh viên có thể tự rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm; làm quen với kỹ năng làm việc, phát triển tư duy logic để từ đó phục vụ tốt hơn trong chăm sóc sức khỏe các thành viên trong gia đình.

3. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần này sinh viên áp dụng và phân tích được các kiến thức cơ bản về tầm quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe gia đình, đồng thời giúp sinh viên nắm được các cách xử lý một số bệnh thường gặp trong gia đình và đưa ra được cách phòng tránh đối với các thành viên như: bệnh lý trực khuẩn, tả, quai bị, rubella, sốt rét, viêm gan..., một số bệnh mãn tính như: tăng huyết áp, đái tháo đường... Sinh viên thể hiện tinh thần làm việc nhóm hiệu quả, giao tiếp tốt với các thành viên trong gia đình và đưa ra được kế hoạch chăm sóc hiệu quả cho cả gia đình.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	3.5	Áp dụng và phân tích các kiến thức cơ bản vào chăm sóc sức khỏe các thành viên trong gia đình	Thuyết trình	Tự luận
CLO2.1	3.0	Thành thạo và hoàn thiện các kỹ năng trong thực hành chăm sóc sức khỏe các thành viên trong gia đình	Thực hành và làm việc nhóm	Thực hành
CLO2.2	3.5	Kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân hiệu quả	Thực hành và làm việc nhóm	Phỏng vấn
CLO3.1	3.5	Tổ chức, hoạt động và phát triển nhóm hiệu quả	Thực hành và làm việc nhóm	Phỏng vấn
CLO4.1	3.5	Thiết kế kế hoạch chăm sóc các thành viên trong gia đình	Thảo luận	Phỏng vấn

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên					30%
A1.1	- Chuyên cần - Ý thức thái độ học tập	- Rubric 1	CLO1.1 CLO2.2	60% 40%	15%
A1.2	- Bài tập cá nhân/Bài tập nhóm SV nộp báo cáo qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án	CLO1.1 CLO3.1 CLO4.1	50% 20% 30%	15%
A2. Đánh giá giữa kỳ					20%
A2.1	- Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	CLO1.1 CLO4.1	50% 50%	
A3. Đánh giá cuối kỳ					50%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	CLO1.1 CLO4.1	40% 60%	50%
A3.2 (Thực hành)	- Kiểm tra kỹ năng thực hành tại các cơ sở y tế <i>Ghi chú: Giảng viên dạy thực hành đánh giá và lưu hồ sơ</i>	- Rubric 2	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1	20% 25% 20% 10% 25%	50%
Điểm tổng kết: $A1.1*10\% + A1.2*20\% + A2*20\% + (A3.1 + A3.2)*50\%$					

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Đánh giá bài A1.1

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Tham gia lớp học	Đi học đầy đủ số buổi theo yêu cầu	Vắng học ~7% so với quy định	Vắng học ~14% so với quy định	Vắng học ~20% so với quy định	Vắng học quá 20% số giờ theo quy định	50%
Vào lớp học đúng giờ	Luôn đi học đúng giờ	Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút)	Vào lớp muộn 3-4 buổi	Vào lớp muộn 5-6 buổi	Vào lớp muộn >6 buổi	20%

Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,...)	Tích cực tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu ($\geq N$) (N được tính 100% hoạt động)	Thường xuyên tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu ($\sim 75\%N$ hoạt động)	Có tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu ($\sim 50\%N$ hoạt động)	Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu ($\sim 25\%N$ hoạt động)	Không tham gia các hoạt động trên lớp	15%
Thực hiện nhiệm vụ tự học (bài tập ở nhà,...)	- Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (ví dụ 2 bài) - Nộp bài tập đúng hạn	- Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (ví dụ 2 bài) - Nộp bài tập không đúng hạn	- Làm được 50% bài tập cá nhân (ví dụ 1 bài) - Nộp bài tập đúng hạn	- Làm được 50% bài tập cá nhân (ví dụ 1 bài) - Nộp bài tập không đúng hạn	Không nộp bài tập cá nhân trên hệ thống; lấy bài của người khác nộp (<i>qua các câu hỏi của GV</i>)	15%

Đánh giá bài A3.2

CĐR	Kém (0-4)	Trung bình (5-6)	Khá (7-8)	Giỏi (9-10)	Điểm tối đa
<i>Áp dụng và phân tích các kiến thức cơ bản vào chăm sóc sức khỏe các thành viên trong gia đình</i>	Không áp dụng và phân tích được các kiến thức cơ bản vào chăm sóc sức khỏe gia đình	Áp dụng và phân tích được ít các kiến thức cơ bản vào chăm sóc sức khỏe gia đình	Áp dụng và phân tích được đa số các kiến thức cơ bản vào chăm sóc sức khỏe gia đình	Áp dụng và phân tích nhuần nhuyễn các kiến thức cơ bản vào chăm sóc sức khỏe gia đình	2
<i>Thành thạo các kỹ năng trong thực hành chăm sóc sức khỏe các thành viên trong gia đình</i>	Không thực hiện được kỹ năng thực hành và sử dụng dụng cụ, trang thiết bị để giải quyết vấn đề chăm sóc	Thực hiện chưa vững kỹ năng và sử dụng dụng cụ và trang thiết bị để giải quyết vấn đề chăm sóc	Thực hiện cơ bản quá trình thực hành và sử dụng dụng cụ, trang thiết bị để giải quyết vấn đề chăm sóc	Thực hiện tốt quá trình thực hành và sử dụng dụng cụ, trang thiết bị để giải quyết vấn đề chăm sóc	2,5
<i>Kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân hiệu quả</i>	Giao tiếp kém với bệnh nhân trong thực hành chăm sóc	Giao tiếp hiệu quả chưa cao với bệnh nhân trong thực hành chăm sóc	Giao tiếp khá với bệnh nhân trong thực hành chăm sóc	Giao tiếp hiệu quả cao và nắm bắt tốt tâm lý bệnh nhân trong thực hành chăm sóc	2

<i>Tổ chức, hoạt động và phát triển nhóm hiệu quả</i>	Rất ít tham gia hoạt động và góp ý kiến cùng nhóm	Ít tham gia hoạt động và góp ý kiến cùng nhóm	Tham gia hoạt động và có đóng góp ý kiến cùng nhóm	Tham gia tích cực hoạt động và có nhiều ý kiến xây dựng cùng nhóm	1
<i>Thiết kế kế hoạch chăm sóc các thành viên trong gia đình</i>	Không đề xuất được kế hoạch thực hành chăm sóc	Đề xuất được kế hoạch thực hành chăm sóc, nhưng còn nhiều thiếu sót	Đề xuất được kế hoạch thực hành chăm sóc nhưng chưa đầy đủ	Đề xuất được kế hoạch thực hành chăm sóc	2,5
Tổng					10

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Tên tác giả, tên giáo trình, tên nhà xuất bản, năm xuất bản.

[2] Tên tác giả, tên giáo trình, tên nhà xuất bản, năm xuất bản.

6.2. Tài liệu tham khảo:

PGS.TS Lê Hoàng Ninh, Y học gia đình, tp Hồ Chí Minh, 2003

7. Kế hoạch dạy học

Lý thuyết:

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CĐR học phần	Bài đánh giá
1(3)	Bài 1. Khái quát một số kiến thức cơ bản và tầm quan trọng của việc chăm sóc sức khỏe gia đình 1. Sức khỏe và giá trị của sức khỏe 1.1 Định nghĩa sức khỏe 1.2 Giá trị của sức khỏe 2. Những yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe 2.1. Di truyền 2.3. Môi trường sống 2.4. Dinh dưỡng 2.5. Bệnh tật	- <i>Lý thuyết (3 tiết)</i> Hoạt động : Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời <i>Tự đọc:</i> giáo viên giao bài cho sinh viên về tự đọc	Đọc trước giáo trình	- CLO1.1 - CLO2.1 - CLO2.2	- A1.1 - A2.1 - A3.1
2(3)	Bài 2. Cách xử lý một số bệnh lý thông thường và cách phòng tránh	- <i>Lý thuyết (3 tiết)</i> Hoạt động : Thuyết giảng kết hợp trình	Đọc trước giáo trình	- CLO1.1 - CLO2.1 - CLO2.2	- A1.1 - A2.1 - A3.1

	<p>2.1. Bệnh lý trực khuẩn</p> <p>2.2. Bệnh dịch tả</p> <p>2.3. Bệnh quai bị</p> <p>2.4. Bệnh thủy đậu</p> <p>2.5. Bệnh Rubella</p> <p>2.6. Bệnh cúm, cúm H5N1 và hội chứng hô hấp cấp tính (SARS)</p> <p>2.7. Bệnh sốt rét</p> <p>2.8. Bệnh viêm gan virus</p> <p>2.9. Bệnh sốt nhiễm virus dengue</p> <p>2.10. Bệnh uốn ván</p> <p>2.11. Bệnh dịch hạch.</p>	<p>chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời</p> <p><i>Tự đọc:</i> giáo viên giao bài cho sinh viên về tự đọc</p>			
3(3)	<p>Bài 3. Tìm hiểu một số bệnh lý như tiểu đường, tim mạch, đột quỵ</p> <p>1. Bệnh tiểu đường</p> <p>1.1. Khái niệm</p> <p>1.2. Dấu hiệu bệnh tiểu đường</p> <p>1.3. Nguyên nhân gây nên bệnh tiểu đường</p> <p>1.4. Biến chứng nguy hiểm của tiểu đường</p> <p>1.5. Cách chẩn đoán bệnh tiểu đường</p> <p>1.6. Phương pháp điều trị bệnh tiểu đường</p> <p>1.7. Phòng ngừa bệnh tiểu đường</p> <p>2. Bệnh tim mạch</p> <p>2.1. Khái niệm</p> <p>2.2. Dấu hiệu bệnh tim mạch</p> <p>2.3. Nguyên nhân bệnh tim mạch</p> <p>2.4. Điều trị bệnh tim mạch</p> <p>2.5. Phòng bệnh tim mạch</p> <p>3. Bệnh đột quỵ</p> <p>3.1. Khái niệm</p> <p>3.2. Nguyên nhân đột quỵ</p> <p>3.3. Dấu hiệu đột quỵ</p> <p>3.4. Cấp cứu và điều trị đột quỵ</p> <p>3.5. Phòng ngừa đột quỵ</p>	<p>- <i>Lý thuyết (3 tiết)</i></p> <p>Hoạt động : Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời</p> <p><i>Tự đọc:</i> giáo viên giao bài cho sinh viên về tự đọc</p>	Đọc trước giáo trình	- CLO1.1 - CLO2.1 - CLO2.2	- A1.1 - A2.1 - A3.1

4(3)	Bài 4. Sơ cấp cứu căn bản 1. Hô hấp nhân tạo/ép tim thổi ngạt 2. Cứu người đang bị tắc thở 3. Cứu người chết đuối 4. Sơ cứu người bị chảy máu 5. Sơ cứu vết bỏng 6. Đỡ đỡ khẩn cấp 7. Di chuyển những người có cân nặng lớn 8. Sơ cứu mắt bị thương 9. Sơ cứu rắn cắn	- Lý thuyết (3 tiết) Hoạt động : Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời <i>Tự đọc:</i> giáo viên giao bài cho sinh viên về tự đọc	Đọc trước giáo trình	- CLO1.1 - CLO2.1 - CLO2.2	- A1.1 - A2.1 - A3.1
5(3)	Bài 5. Chế độ dinh dưỡng, chế độ sinh hoạt để bảo vệ sức khỏe gia đình 1. Chế độ ăn khoa học 2. Giá trị dinh dưỡng thức ăn 3. Khẩu phần ăn 4. Dinh dưỡng hợp lý 5. Ăn uống cho người bệnh 6. Tập luyện thể thao	- Lý thuyết (3 tiết) Hoạt động : Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời <i>Tự đọc:</i> giáo viên giao bài cho sinh viên về tự đọc	Đọc trước giáo trình	- CLO1.1 - CLO2.1 - CLO2.2	- A1.1 - A2.1 - A3.1

Thực hành:

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CĐR học phần	Bài đánh giá
30 tiết	Thực hành các kiến thức đã học phần lý thuyết	Dạy học lâm sàng trên giường bệnh, bình bệnh án và kế hoạch chăm sóc, thảo luận nhóm	-Tham gia đầy đủ các buổi thực hành lâm sàng -Tuân thủ các quy định của bệnh viện	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A3.2

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

Trưởng bộ môn

**Giảng viên
Trần Tất Thắng**

Phụ lục 1: Ký hiệu về trình độ năng lực (TĐNL) và đối sánh với các thang phân loại
(Dùng cho xây dựng ma trận CDR CTĐT và xây dựng đề cương học phần)

KÝ HIỆU TĐNL		1	2	3	4	5
Mức độ thành thạo dựa vào hoạt động	Crawly, 2001	Có trải nghiệm qua hoặc gặp qua	Có thể tham gia vào và đóng góp	Có thể hiểu và giải thích	Có kỹ năng trong thực hành hoặc thực hiện	Có thể lãnh đạo hoặc đổi mới
	MIT	0.1 → 1.0	1.1 → 2.4	2.5 → 3.4	3.5 → 4.4	4.5 → 5.0
Lĩnh vực về nhận thức	Bloom, 1956	-----	- Biết	- Hiểu	- Áp dụng, - Phân tích	- Tổng hợp, - Đánh giá
	Anderson et al., 2001	-----	- Nhớ	- Hiểu	- Áp dụng, - Phân tích	- Đánh giá, - Sáng tạo
Lĩnh vực về tâm vận động	Simpson, 1972	- Nhận thức - Thiết lập	- Làm theo hướng dẫn	- Thuần thục	- Thành thạo kỹ năng phức tạp - Thích ứng	- Sáng chế
	Dave, 1975	- Bắt chước có quan sát	- Làm lại theo cấu trúc nội tâm	- Chính xác hóa hoạt động của cơ bắp	- Hoàn thiện thứ tự các hoạt động	- Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới
Lĩnh vực về cảm xúc	Krathwohl, Bloom & Masia, 1973	-----	- Tiếp nhận hiện tượng	- Phản ứng với hiện tượng	- Chấp nhận giá trị (Valuing)	- Tổ chức - Ứng xử